

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP – VLXD ĐỒNG NAI
DONGNAI ROOF SHEET & CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY



SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 12278
	Giờ: Ngày 9 tháng 4 năm 13



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

Đồng Nai, Ngày 08 tháng 04 năm 2013

I/ THÔNG TIN CHUNG:

1, Thông tin khái quát:

-Tên giao dịch :

+ Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP – VLXD ĐỒNG NAI**

+ Tên tiếng Anh :

DONGNAI ROOF SHEET & CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

-LO GO:



-Giấy phép kinh doanh số : 3600475018 đăng ký lần 04, ngày 19/08/2010 do Sở Kế hoạch đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

-Ngành nghề Kinh doanh :

+ Sản xuất, kinh doanh xi măng, tấm lợp VLXD và xây lắp.

+ Dịch vụ thương mại, xuất nhập khẩu các loại vật tư, nguyên liệu, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị phụ tùng chuyên ngành xây dựng. Bổ sung : sản xuất, mua bán clinker (không sản xuất tại trụ sở). Mua bán nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất công nghiệp. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông đường bộ, thủy lợi, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy. Mua bán xe ô tô, xe gắn máy. Bốc xếp hàng hóa. Kinh doanh bất động sản.

-Vốn điều lệ : Vốn điều lệ của công ty là 272.236.470.000đ (Hai trăm bảy mươi hai tỷ, hai trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm bảy mươi ngàn đồng). Trong đó :

+ Vốn thuộc sở hữu của nhà nước chiếm 12,5% ; tương đương 34.023.660.000đ

+ Vốn thuộc sở hữu của các cổ đông là pháp nhân và cá nhân chiếm 87,5% ; tương đương 238.212.810.000đ.

-Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 272.236.470.000đ

-Địa chỉ :

Trụ sở chính : Đường số 4 Khu công nghiệp Biên Hòa 1 Tỉnh Đồng Nai

Chi nhánh Công ty : 2/14 -2/16 Hàm Nghi, P.Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (84.61) 3836130 ; 3836022; Fax : (84.61) 3836023

Website : www.donac.net

Email : Info@donac.net

-Niêm yết :

+ Công ty tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10 năm 2006. Việc tham gia thị trường chứng khoán thể hiện bước phát triển bền vững của một công ty đại chúng với chuyên ngành Công nghiệp VLXD cơ bản. *

Loại chứng khoán	: Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	: DCT
Mệnh giá	: 10.000 đồng
Số lượng cổ phiếu niêm yết hiện nay	: 27.223.647 cổ phần
Vốn điều lệ hiện nay	: 272.236.470.000 đồng

2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty :

- Công ty cổ phần Tấm lợp & VLXD Đồng Nai (DONAC) tiền thân là nhà máy AMIĂNG XIMĂNG do tập đoàn công nghiệp vật liệu xây dựng ETERNIT của Cộng Hòa Pháp đầu tư xây dựng từ năm 1964. Là đơn vị chuyên ngành sản xuất tấm lợp fibro xi măng hàng đầu Việt Nam. Sau giải phóng doanh nghiệp trực thuộc Bộ Xây dựng, Tổng Công ty VLXD số 1 – BXD và từ 1988 là Công ty thành viên của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam.

- Từ một nhà máy sản xuất tấm lợp là sản phẩm duy nhất với công suất ban đầu 03 triệu m² (năm 1975) và nay là 08 triệu m² sản phẩm/ năm. Qua quá trình đầu tư phát triển đa dạng hóa sản phẩm, đến nay công ty đã có thêm nhiều loại vật liệu phục vụ cho nhu cầu xã hội như các sản phẩm từ amiăng xi măng, xi măng PCB 40 ; và gạch ngói màu không nung các loại ...đặc biệt tháng 9/2011 công ty chính thức đưa nhà máy nghiền xi măng 1.800.000 tấn/ năm tại khu công nghiệp Ông Kèo , Nhơn Trạch – Đồng Nai đi vào hoạt động.

- Tháng 10/2000 Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Xi Măng Việt Nam thành công ty cổ phần theo quyết định số 73/QĐ – CP ngày 21/06/2000 của Thủ tướng Chính phủ . Với vốn điều lệ ban đầu là 48.389.000.000 đồng và hiện nay là 272.236.470.000 đồng .

3/Tổng quan về thị trường và định hướng phát triển :

3.1 – Thị trường tiêu thụ :

- Với các sản phẩm hiện có , thị trường truyền thống của công ty chủ yếu phục vụ cho nhu cầu trong nước như các khu vực : Vùng duyên hải miền Trung, khu vực các tỉnh thành miền Đông và miền Tây Nam bộ ;

- Thị trường tiềm năng , định hướng phát triển : Ngoài sản phẩm Tấm lợp , hiện sản phẩm Xi măng được sản xuất tại KCN Biên Hòa 1 và nhà máy Xi măng Công Thanh – Nhơn Trạch – Đồng Nai công suất 1.800.000 tấn/năm. Sản phẩm hướng vào các công trình xây dựng có quy mô lớn, công trình trọng điểm quốc gia trong phạm vi cả nước và xuất khẩu.

3.2 – Lợi thế so sánh :

- Công ty DONAC là một Công ty hàng đầu về sản xuất tấm lợp fibro xi măng tại Việt Nam. Đặc biệt là khu vực phía Nam ; với sản lượng cao, chất lượng tốt được sản xuất trên dây chuyền hiện đại, tự động hóa cao. Thương hiệu DONAC luôn được người tiêu dùng bình chọn hàng Việt Nam chất lượng cao, và cúp vàng thương hiệu Việt nhiều năm liền.

- Công ty có một vị trí địa lý rất thuận lợi, nằm trong khu công nghiệp Biên Hòa 1, Tỉnh Đồng Nai, trong vùng tam giác kinh tế trọng điểm của Quốc gia, hệ thống giao thông thủy bộ hoàn chỉnh.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật với mặt bằng 9 ha tại khu công nghiệp Biên Hòa 1, hiện đang phục vụ cho sản xuất sản phẩm tấm lợp và gạch ngói không nung, và trong tương lai với quy hoạch chuyển đổi công năng của khu công nghiệp thành khu đô thị dịch vụ tài chính – thương mại – du lịch của khu vực thì đây cũng là một thuận lợi lớn đưa Nhà máy sản xuất tấm lợp tại KCN Biên Hòa 1 về cụm VLXD Nhơn Trạch của Công ty (chu trình sản xuất kín : xi măng – Tấm lợp và các loại VLXD khác từ xi măng...).

- Với 15 ha đất đã đầu tư xong nhà máy nghiền xi măng Công Thanh công suất 1.800.000 tấn/năm tại khu công nghiệp Ông Kèo – Huyện Nhơn Trạch – Đồng Nai. Đây là một nhà máy gắn kết với sự đầu tư chủ động khai thác nguồn nguyên liệu trong nước theo Nghị định số 108/NĐ-CP của Thủ tướng chính phủ, công suất lớn và ở một vị trí rất quan trọng trong khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam, trên tuyến đầu mối giao thông thủy bộ. Đặc biệt doanh nghiệp đã đưa cảng 30.000 tấn chuyên dùng nước sâu phục vụ cho toàn bộ dự án và mở rộng các loại dịch vụ hàng hóa... cho các ngành trong khu vực.

3.3 Định hướng phát triển :

- Ngày 30/04/2008 Công ty đã chính thức khởi công xây dựng dự án nhà máy nghiền xi măng 1.800.000/năm, và cảng chuyên dùng 30.000 tấn tại khu công nghiệp Ông Kèo – Nhơn Trạch – Đồng Nai, với tổng vốn đầu tư 34 triệu USD. Đến tháng 9/2011 công ty đã đưa toàn bộ dự án nhà máy nghiền xi măng Công Thanh tại Nhơn Trạch Đồng Nai 1.800.000 tấn/ năm vào hoạt động. Mục tiêu năm 2012 và các năm tiếp theo phấn đấu khai thác tối đa công suất các dự án đã đầu tư, để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

3.4 Khó khăn, thuận lợi :

a – Khó khăn :

- Kinh tế thế giới suy thoái, khủng hoảng nợ công Châu Âu đã ảnh hưởng lớn đến kinh tế các nước.

- Thực hiện Nghị quyết 11 của chính phủ, kiểm chế lạm phát, ổn định vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội, thực hiện giảm đầu tư công, hạn chế cho vay lĩnh vực phi sản xuất như kinh doanh bất động sản. Lĩnh vực bất động sản đóng băng, khó tiêu thụ đã ảnh hưởng trực tiếp đến

ngành SXKD vật liệu xây dựng như : xi măng, sắt thép ..v. v..., sức tiêu thụ các mặt hàng VLXD đã giảm mạnh, hàng tồn kho cao.

- Năm 2012 các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn do các chi phí đầu vào luôn tăng cao như : giá điện, xăng, dầu, chi phí lãi vay vốn ngân hàng quá cao . . . đã làm giảm khả năng cạnh tranh của các sản phẩm trong nước với các nước trong khu vực.

b – Những thuận lợi :

- Ban lãnh đạo công ty có trình độ năng lực, đã dạn dày kinh nghiệm trong hoạt động SXKD lĩnh vực VLXD như : xi măng, tấm lợp, VLXD...

- Phương châm hoạt động của công ty là chất lượng, uy tín, hiệu quả, phát triển bền vững, suất đầu tư thấp nhất, hiệu quả cao nhất.

- Các sản phẩm của công ty luôn giữ vững được thương hiệu, luôn được khách hàng tín nhiệm cao hàng chục năm nay. Công ty có hệ thống phân phối có năng lực, uy tín rộng khắp cả nước.

- Công ty luôn giữ vững sự tín nhiệm của quý khách hàng, luôn được các ban ngành từ Trung ương đến địa phương hỗ trợ tích cực.

II/ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA NĂM 2012:

1, Tình hình hoạt động SXKD của năm 2012:

- | | |
|---------------------------|----------------------------------|
| - Doanh thu cả năm | : 533 tỷ đồng, đạt 32% kế hoạch |
| - Lợi nhuận trước thuế lỗ | : 58 tỷ đồng |
| - Nộp ngân sách | : 30 tỷ đồng; đạt 122% kế hoạch. |

2, Cơ cấu tổ chức bộ máy và tổ chức lao động công ty năm 2012:

2.1- Tổ chức lao động công ty:

- | | |
|--------------------------|--|
| - Lao động | : 529 người |
| - Các đơn vị trực thuộc | : 03 xí nghiệp sản xuất; 06 phòng ban. |
| - Trình độ lao động : | |
| + Đại học và tương đương | : 25 người |
| + Cao đẳng, THCN | : 32 người |
| + CN kỹ thuật | : 472 người |

2.2- Bộ máy quản lý điều hành công ty:

- **Hội đồng Quản trị** : Ngày 29/04/2010 Đại hội đồng cổ đông đã bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ III năm 2010-2015 như sau :

Số TT	Họ và Tên	Năm sinh	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm	Số CP cá nhân năm giữ	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Công Lý	1961	Chủ tịch HĐQT	29/04/2010	5.720.000	21,01
2	Dương Xuân Bình	1958	UV. HĐQT	29/04/2010	29.064	0,11
3	Nguyễn Thị Thành	1957	UV. HĐQT	29/04/2010	1.768.698	6,50
4	Lê Trung Chính	1963	UV. HĐQT	29/04/2010	268.425	0,99
5	Jiang Wen	1969	UV. HĐQT	29/04/2010	61.381	0,22

- Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng :

Số TT	Họ và Tên	Năm sinh	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm	Số CP cá nhân năm giữ	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Công Lý	1961	Tổng Giám đốc	01/08/2010	5.720.000	21,01
2	Dương Xuân Bình	1958	Phó TGD	01/08/2010	29.064	0,11
3	Nguyễn Bá Truật	1960	Phó TGD	01/08/2010	41.660	0,15
4	Lê Trung Chính	1963	Phó TGD	01/08/2010	268.425	0,99
5	Trần Quốc Khánh	1958	Phó TGD	01/08/2010	11.500	0,04
6	Nguyễn Thị Thanh Tâm	1969	Phó TGD	01/08/2010	159.025	0,58
7	Nguyễn Thị Ánh	1965	Kế toán trưởng	01/08/2010	7.500	0,03

- Ban kiểm soát : ngày 29/04/2010 Đại hội cổ đông đã bầu ra Ban kiểm soát nhiệm kỳ III :

Số TT	Họ và Tên	Năm sinh	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm	Số CP cá nhân năm giữ	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Văn Nho	1958	KSV trưởng	29/04/2010	12.000	0,04
2	Phạm Đức Hùng	1974	Kiểm soát viên	29/04/2010	/	
3	Nguyễn Đoàn Dũng	1972	Kiểm soát viên	29/04/2010	/	

3, Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Năm 2012 Công ty không có đầu tư các dự án.

4, Tình hình tài chính:

a, Tình hình tài chính:

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2011	TH năm 2012	% năm 2012 so năm 2011
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	1.205	1.138	94,43
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	313	533	170,28
3	Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh	Tỷ đồng	43	(94)	(318,60)
4	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	/	36	
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	43	(58)	
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	32	(55)	(271,87)
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	11,76	Không có	

b, Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2011	TH năm 2012	% năm 2012 so năm 2011
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		/	/	/
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn		0,41	0,35	85,36
	TSLĐ/ Nợ ngắn hạn	Lần	/	/	/
	+ Hệ số thanh toán nhanh		0,36	0,16	44,44
	Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn	Lần	/	/	/
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		0,68	0,70	102,94
	+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	Lần	2,10	2,31	110,00
	+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	/	/	/
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		/	/	/
	+ Vòng quay hàng tồn kho		1,60	7,68	480,00
	Giá vốn hàng bán/ hàng tồn kho BQ	Vòng	0,2	0,47	180,76
	+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Lần	/	/	/
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		10,25	LỖ	
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Dthu	%	8,25	LỖ	
	+ Hệ số LN sau thuế/ vốn chủ sở hữu	%	2,66	LỖ	
	+ Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	13,78	LỖ	
	+ Hệ số LN từ HĐ kinh doanh/ doanh thu thuần	%			

5, Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a, Cổ phần:

- Tổng số cổ phần của công ty đang lưu hành là : 27.223.647 cổ phần. Trong đó:
 - + Cổ phần của Tổng Công ty công nghiệp xi măng Việt Nam (Cổ đông nhà nước) là: 3.402.366 cổ phần
 - + Cổ phần của các cổ đông khác là pháp nhân và cá nhân khác là 23.821.281 cổ phần
 - Các cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông được tự do chuyển đổi trên TTCK.

b, Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: năm 2012 Công ty không có thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

c, Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

III/ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1, Đánh giá kết quả hoạt động SXKD của năm 2012

a, Kết quả hoạt động SXKD của năm 2012

- Doanh thu thuần : 533 tỷ đồng; đạt 32% kế hoạch
- Lợi nhuận trước thuế : lỗ 58 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : lỗ 55 tỷ đồng

b, Nguyên nhân dẫn đến lỗ là:

- Năm 2012 kinh tế thế giới suy thoái đã ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế Việt Nam gặp nhiều khó khăn như: đầu tư công giảm, bất động sản đóng băng, hàng tồn kho lớn, chi phí lãi vay ngân hàng quá cao vv... đã ảnh hưởng trực tiếp đến ngành SX vật liệu xây dựng như xi măng, sắt thép vv... sản xuất cung vượt cầu cao dẫn đến sản phẩm khó tiêu thụ, hàng tồn kho cao, hiệu quả SXKD thấp.

- Năm 2012 công ty mới đưa dự án nhà máy nghiền xi măng Công Thanh công suất 1.800.000 tấn/năm vào khai thác đã gặp trực tiếp các khó khăn nêu trên, mặt khác phải chịu áp lực chi phí tài chính, lãi vay ngân hàng quá cao là 107 tỷ đồng chiếm 20% doanh thu thuần; xi măng tiêu thụ mới đạt khoảng 30% công suất thiết kế nên SXKD năm 2012 bị lỗ 58 tỷ đồng.

2, Tình hình tài chính:

a, Tình hình tài sản:

- Tổng tài sản : 1.138.848.348.268 đồng, trong đó:
 - + Tài sản ngắn hạn : 138.765.720.577 đồng
 - + Tài sản dài hạn : 1.000.082.627.691 đồng
- Tổng nguồn vốn : 1.138.848.348.268 đồng, trong đó:
 - + Nợ phải trả : 793.708.572.794 đồng

(Nợ ngắn hạn: 346.138.745.987 đồng; Nợ dài hạn: 447.569.826.807 đồng)

- + Nguồn vốn chủ sở hữu: 345.139.775.474 đồng

b, Tình hình nợ phải trả:

- Nợ phải trả đến 31/12/2012 của Công ty là: 793.708.572.794 đồng, trong đó:
 - + Nợ ngắn hạn : 346.138.745.987 đồng (vay ngân hàng: 222.695.109.807 đồng)
 - + Nợ dài hạn : 447.569.826.807 đồng (vay ngân hàng: 447.569.826.807 đồng)
- Nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: $793 \text{ tỷ} / 345 \text{ tỷ} = 2,3 \text{ lần}$

Do vốn vay ngân hàng lớn: 670.264.936.614 đồng nên chi phí lãi vay ngân hàng cao là 107.769.136.942 đồng đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động SXKD năm 2012 dẫn đến lỗ 58.058.269.182 đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1, Năm 2012 hoạt động SXKD của công ty bị lỗ 58 tỷ đồng là do:

- Năm 2012 kinh tế thế giới suy thoái đã ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế Việt Nam, trong nước đầu tư công giảm, bất động sản đóng băng; giá vật tư nguyên liệu, điện luôn tăng; chi phí lãi vay ngân hàng quá cao dẫn đến sản phẩm khó tiêu thụ, hàng tồn kho cao, các doanh nghiệp gặp khó khăn, hiệu quả SXKD thấp.

- Công ty năm 2012 mới đưa dự án nhà máy nghiền xi măng Công Thanh công suất 1.800.000 tấn/năm vào khai thác đã gặp trực tiếp các khó khăn nêu trên, mặt khác phải chịu áp lực chi phí tài chính, lãi vay ngân hàng quá cao là 107 tỷ đồng chiếm 20% doanh thu thuần; xi măng tiêu thụ mới đạt khoảng 30% công suất thiết kế nên SXKD năm 2012 bị lỗ 58 tỷ đồng.

2, Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- Năm 2012 kinh tế thế giới bị suy thoái, kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn, sản xuất bị đình đốn, sản phẩm khó tiêu thụ, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã duy trì sản xuất, ổn định công ăn việc làm, đảm bảo thu nhập cho người lao động, công ty đã giữ vững thị trường các sản phẩm: xi măng, tấm lợp luôn được người tiêu dùng tín nhiệm cao trong nhiều năm liền

3, Kế hoạch sản xuất năm 2013

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2013
1	Sản xuất, tiêu thụ		
	- Xi măng	tấn	1.100.000
	- Tấm lợp	m ²	8.000.000
2	Doanh thu thuần	đồng	431.432.000.000
3	Lãi trước thuế	đồng	12.943.000.000
4	Nộp ngân sách	đồng	25.900.000.000
5	Thu nhập bình quân người/tháng	đồng	6.725.446

V/ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1, Hội đồng quản trị:

a, Thành viên và cơ cấu HĐQT

- Hội đồng quản trị công ty hiện có 05 thành viên, trong đó có 01 Chủ tịch HĐQT, 04 thành viên là Ủy viên HĐQT.

- HĐQT có 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên kiêm nhiệm điều hành công ty và 02 thành viên độc lập không tham gia trực tiếp điều hành công ty.

Danh sách các thành viên HĐQT công ty nhiệm kỳ III năm 2010 – 2015 như sau:

Số TT	Họ và Tên	Năm sinh	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm	Số CP cá nhân nắm giữ	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Công Lý	1961	Chủ tịch HĐQT	29/04/2010	5.720.000	21,01
2	Dương Xuân Bình	1958	UV. HĐQT	29/04/2010	29.064	0,11
3	Nguyễn Thị Thành	1957	UV. HĐQT	29/04/2010	1.768.698	6,50
4	Lê Trung Chính	1963	UV. HĐQT	29/04/2010	268.425	0,99
5	Jiang Wen	1969	UV. HĐQT	29/04/2010	61.381	0,22

b, Hoạt động của HĐQT:

Năm 2012 Hội Đồng Quản Trị công ty có 03 cuộc họp, các thành viên HĐQT đến tham dự đầy đủ.

2, Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc

2.1 Năm 2012 các thành viên HĐQT không có giao dịch cổ phiếu.

2.2 Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát năm 2012 (số liệu thực chi trong năm)

Số TT	Họ và Tên	Chức vụ	Thù lao	Lương, thưởng	Cộng
1	Nguyễn Công Lý	CT HĐQT, TGD	315.000.000	666.800.000	981.800.000
2	Dương Xuân Bình	UV HĐQT, P TGD	136.000.000	219.746.911	355.746.911
3	Nguyễn Thị Thành	UV HĐQT	136.000.000	/	136.000.000
4	Lê Trung Chính	UV HĐQT, P TGD	136.000.000	104.388.214	240.388.214
5	Jiang Wen	UV HĐQT	136.000.000	/	136.000.000
6	Nguyễn Bá Truật	Phó TGD	/	172..143.174	172.143.174
7	Trần Quốc Khánh	Phó TGD	30.000.000	244.800.000	274.800.000
8	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phó TGD	30.000.000	220.800.000	250.800.000
9	Nguyễn Thị Ánh	Kế toán trưởng	30.000.000	218.030.000	248.030.000

10	Nguyễn Văn Nho	Trưởng Ban Kiểm soát	95.000.000	134.467.900	229.467.900
11	Phạm Đức Hùng	Kiểm soát viên	80.000.000	/	80.000.000
12	Nguyễn Đoàn Dũng	Kiểm soát viên	80.000.000	/	80.000.000
Cộng			1.204000.000	1.981.176.199	3.185.176.199

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 CHỦ TỊCH

 NGUYỄN CÔNG LÝ

10.01.2024
 GP
 ING
 1.000.000